

Bản án số: 446/2017/HSST

Ngày: 21/ 12 /2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Ông Trần Trọng Tú

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền,

Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21/ 12 /2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 423/2017/HSST ngày 06/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Thị Kim T (tên gọi khác Hà Thúy N),sinh ngày: 29/11/1985.

Nơi ĐKKHTT: Số 8, ngõ 1, đường N, tổ A, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số 7, ngõ 272/37, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không.

Trình độ văn hóa: 12/12 ; Nghề nghiệp: Nhân viên N.

Con ông: Hà Đức C, sinh năm 1950 và con bà bà: Trần Thị T, sinh năm 1950.

Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình.

Chồng: Đỗ Kiều H, sinh năm 1980.

Con: Có 01 con, sinh năm 2010.

- Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 09/8/2017 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:**

Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1981

Trú tại: Xóm C, xã H, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

*** Người làm chứng:**

- Anh Dương Quang L, sinh năm 1996

Trú tại: Xóm C, xã H, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1988

Trú tại: Ngõ 606/18 tổ X, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY

Bị cáo Hà Thị Kim T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng năm 2014, Hà Thị Kim T có quen biết với ông Nguyễn Đình Ng (pháp danh Thích C, sinh năm 1981, trú tại: xóm C, xã H, thành phố TH là tu sĩ trụ trì chùa H). Sau đó giữa T và ông Ng có nảy sinh tình cảm và thường xuyên liên lạc với nhau. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T nhiều lần hỏi vay tiền ông Ng nhưng ông Ng không cho vay nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Ng. T biết ông Ng là người xuất gia theo đạo Phật, đã có quan hệ nam nữ với T là vi phạm và sẽ mất uy tín trong giới đạo phật, nên T đã đe dọa công khai mối quan hệ để chiếm đoạt tài sản của ông Ng. Trong khoảng thời gian từ ngày 26/3/2017 đến ngày 03/8/2017, T đã liên tục nhắn tin, gọi điện từ nhiều sim số điện thoại khác nhau đến số điện thoại 0935.838.453 của ông Ng để uy hiếp tinh thần, yêu cầu ông Ng đưa tiền, nếu ông Ng không đồng ý thì T sẽ viết đơn tố cáo ông Ng có quan hệ tình cảm với T gửi cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam, giáo hội Phật giáo tỉnh Thái Nguyên, gửi cho báo chí, phát tờ rơi, tán phát trên mạng internet...làm mất uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông Ng. Do lo sợ T sẽ tố cáo, phát tán thông tin trên nên ông Ng đã 10 lần đưa tiền theo yêu cầu của T với tổng số tiền là 290.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 26/3/2017 tại chùa H, ông Ng trực tiếp đưa cho T số tiền 30.000.000 đồng.

Trong 09 lần còn lại, ông Ng nhờ anh Dương Quang L (sinh năm 1996, trú tại: xóm C, xã H, thành phố TH) đưa tiền cho T tại khu vực chợ T, thuộc tổ H, phường T, thành phố TH.

Lần 01: Ngày 20/4/2017, số tiền là 30.000.000 đồng.

Lần 02: Ngày 25/5/2017, số tiền là 40.000.000 đồng.

Lần 03: Ngày 14/6/2017, số tiền là 40.000.000 đồng.

Lần 04: Ngày 17/7/2017, số tiền là 25.000.000 đồng.

Lần 05: Ngày 20/7/2017, số tiền là 20.000.000 đồng.
Lần 06: Ngày 21/7/2017, số tiền là 30.000.000 đồng.
Lần 07: Ngày 26/7/2017, số tiền là 40.000.000 đồng.
Lần 08: Ngày 31/7/2017, số tiền là 15.000.000 đồng.
Lần 09: Vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 03/8/2017, số tiền là 20.000.000 đồng. Khi anh L vừa đưa số tiền trên cho T đang ngồi trong xe taxi C, BKS 30A – 065.19 thì bị tổ công tác của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang.

Tiến hành kiểm tra người Hà Thị Kim T phát hiện thu giữ 01 phong bì bên trong có 100 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, tổng số tiền là 20.000.000 đồng. T khai nhận số tiền đó là tiền T đã đe dọa và chiếm đoạt được của ông Nguyễn Đình Ng; thu giữ trong ví của T số tiền 4.470.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen sử dụng số thuê bao 01679.306.233 bên trong chứa các tin nhắn đe dọa chiếm đoạt tiền và cuộc hẹn để nhận số tiền 20.000.000 đồng từ ông Ng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung có số thuê bao 0985696615; 03 sim điện thoại Viettel.

Cùng ngày, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại nhà số 7, ngõ 272/37, phường N, quận L, thành phố Hà Nội. Quá trình khám xét, không phát hiện thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Tại bản cáo trạng số 437/KSĐT- TA ngày 05/ 11 /2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo Hà Thị Kim T (tên gọi khác Hà Thúy N) về tội Cường đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 BLHS năm 1999.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS, xử phạt bị cáo Hà Thị Kim T (Hà Thúy N) từ 07 đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T hoàn trả số tiền theo như đơn ông Ng đề nghị.

Về vật chứng: Áp dụng điều 41 BLHS và điều 76 BLTTHS xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp án phí HSST, DSST vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận gì với Viện kiểm sát.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, Người bị hại, người làm chứng, Hội đồng xét xử;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Do Hà Thị Kim T và ông Nguyễn Đình Ng có quan hệ tình cảm với nhau nên T đã dùng thủ đoạn nhắn tin, gọi điện từ nhiều số điện thoại khác nhau đến số điện thoại của ông Ng, đe dọa sẽ tố cáo chuyện tình cảm trên nếu ông Ng không đưa tiền cho T vì T đang thiếu tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Do lo sợ nên từ ngày 26/3/2017 đến ngày 31/7/2017, ông Ng đã đưa cho T số tiền 270.000.000 đồng vào 09 lần khác nhau. Hồi 16 giờ 45 phút ngày 03/8/2017, tại khu vực chợ T thuộc tổ H, phường T, thành phố TH, khi T đang chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của ông Ng thì bị tổ công tác của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên bắt quả tang. Ông Ng có yêu cầu T phải hoàn trả lại số tiền 270.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt. Vấn đề dân sự đến nay chưa giải quyết xong.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Cường đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Điều 135 BLHS quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a, Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng... ”

Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi này còn gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận xấu trong xã hội nên phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo thực hiện.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo sinh ra và lớn lên được gia đình nuôi ăn học sau đó đi làm nhân viên S, bị cáo là người hiểu biết pháp luật nhưng do lười lao động, thích hưởng thụ nên đã vi phạm pháp luật, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần với số tiền lớn, tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trước hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, cũng tại phiên tòa bị hại ông Ng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 48 BLHS. Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo nên xử phạt mức án tương xứng mang tính giáo dục chung, phòng ngừa riêng. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Ng có đơn đề nghị bị cáo T phải hoàn trả cho ông tổng số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu của ông Ng. Buộc Bị cáo phải hoàn trả cho ông Ng số tiền 135.000.000 đồng.

Về Vật chứng của vụ án:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại Nokia model 1280 màu đen đã qua sử dụng.
- Tạm giữ số tiền 4.470.000đ thu giữ của T để đảm bảo thi hành án.
- Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại Viettel, trong đó 02 sim có số seri lần lượt là: 8984048701015435886 và 8984048008821339689 và 01 sim không rõ số seri đây là phương tiện để bị cáo thực hiện tội phạm.

Bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị Kim T (Hà Thúy N) phạm tội “ Cường đoạt tài sản”

Áp dụng: Điểm a, Khoản 3 Điều 135; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS;

Xử phạt: Hà Thị Kim T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2017.

- Áp dụng Điều 228 BLTTHS quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án

- **Về trách nhiệm dân sự:**Áp dụng Điều 42BLHS, Điều 357, 584, 585,586,589 BLDS 2015.

Buộc Bị cáo phải hoàn trả cho ông Ng số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Về Vật chứng của vụ án áp dụng điều 41 BLHS và điều 76 BLTTHS:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại Nokia model 1280 màu đen đã qua sử dụng.

- Tạm giữ số tiền 4.470.000đ thu giữ của T để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại Viettel, trong đó 02 sim có số seri lần lượt là: 8984048701015435886 và 8984048008821339689 và 01 sim không rõ số seri đây là phương tiện để bị cáo thực hiện tội phạm.

(Vật chứng và tiền hiện đang lưu tại kho và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số..... ngày..... / .../2017 và ủy nhiệm chi số.... ngày.... /.../2017giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Hà Thị Kim T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.750.000 đồng tiền án phí theo giá ngạch vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền

